TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/DS-ST
Ngày: 24-6-2024
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA – BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Ông Nguyễn Xuân Trường

-Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Chi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: Bà Nguyễn Thị Hồng N- Kiểm sát viên

Ngày 24/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-DS ngày 16/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/QĐST-DS ngày 10/6/2024 giữa:

**Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1979 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

**Bị đơn: Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1986 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 (anh Q, chị H đều vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

-Bà Nguyễn Thị Hương L, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt)

(bà L do ông T đại diện theo ủy quyền)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2024, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày: Ngày 16/02/2023, vợ chồng anh Q có vay của vợ chồng ông số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 45 ngày; Ngày 28/02/2023, vợ chồng anh Q tiếp tục vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến 28/3/2023; Ngày 20/3/2023, vợ chồng anh Q tiếp tục vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay đến 20/4/2023. Tổng cộng 3 lần vay: 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn). Mục đích vay để làm kinh doanh đồ gỗ, phát triển kinh tế gia đình, lãi thỏa thuận cả 3 lần vay đều bằng miệng 10%/năm,

không ghi vào giấy vay. Ông xác định vợ chồng anh Q đã trả lãi của 3 mã vay từ ngày vay đến ngày 30/4/2023, còn từ ngày 01/5/2023 cho đến nay thì chưa trả được số tiền lãi và gốc nào của cả 3 mã vay. Nay ông yêu cầu anh Q và chị H phải trả cho vợ chồng ông số tiền nợ gốc là: 300.000.000 đồng và trả lãi chậm trả 10%/năm, của 3 mã vay kể từ ngày 01/5/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa ông T có mặt và giữ nguyên yêu cầu của mình.

*Bị đơn anh Q, chị H vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập lên làm việc hợp lệ, mẹ đẻ anh Q và chị H là bà Nguyễn Thị T1 nhận giấy tờ thay và đã thông báo cho vợ chồng anh Q, nhưng vợ chồng anh Q không lên Tòa án làm việc và từ bỏ quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa anh Q, chị H đều vắng mặt

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hương L (vợ ông T) trình bày: Bà Nhất trí với phần trình bày của ông T. Vì lý do công việc nên bà ủy quyền cho chồng bà là ông Nguyễn Xuân T tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa L vắng mặt và xin vắng mặt

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, người cơ quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chấp hành tốt, bị đơn chấp hành chưa tốt.

Áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37-Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T

1. Buộc vợ chồng anh Đặng Văn Q và chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị Hương L số tiền gốc là 300.000.000 đồng, và lãi từ kể từ ngày 01/5/2023 cho đến ngày xét xử là 1 năm 1 tháng 23 ngày là 34.416.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 334.416.000 đồng.

3. Về án phí: vợ chồng anh Đặng Văn Q và chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới chịu 16.720.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Ông Nguyễn Xuân T khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Q và chị H trả số tiền gốc và lãi chậm trả, xác định là quan hệ tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện H, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Q trả cho vợ chồng ông số tiền gốc 300.000.000 đồng, và lãi thì thấy: Ngày 16/02/2023, vợ chồng anh Q có vay của vợ chồng ông T số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 45 ngày; Ngày 28/02/2023, vợ chồng anh Q tiếp tục vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến 28/3/2023; Ngày 20/3/2023, vợ chồng anh Q tiếp tục vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay đến 20/4/2023. Tổng cộng 3 lần vay: 300.000.000 đồng. Mục đích vay để làm kinh doanh đồ gỗ, phát triển kinh tế gia đình, lãi thỏa thuận cả 3 lần vay đều bằng miệng 10%/năm, không ghi vào giấy vay. Ông T xác định vợ chồng anh Q và chị H đã trả lãi của 3 mã vay từ ngày vay đến ngày 30/4/2023, còn từ ngày 01/5/2023 cho đến nay thì chưa trả được số tiền lãi và gốc nào của cả 3 mã vay mặc dù ông đã đòi nhiều lần. Trong quá trình giải quyết vụ án thì vợ chồng anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng không lên Tòa án làm việc cũng như không có ý kiến về việc ông T khởi kiện. Như vậy, vợ chồng anh Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay ông T yêu cầu anh Q và chị H phải trả cho vợ chồng ông số tiền nợ gốc là: 300.000.000 đồng và trả lãi chậm trả 10%/năm, của 3 mã vay kể từ ngày 01/5/2023 cho đến ngày xét xử là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Ông T xác định là nợ chung của vợ chồng anh Q, vì khi vay mục đích để phát triển kinh tế gia đình và là tài sản chung của vợ chồng ông T. Do vậy, buộc vợ chồng anh Q và chị H phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông T là có căn cứ.

[5] Về lãi suất cho vay: Tại giấy biên nhận vay tiền đều không ghi mức lãi, phía nguyên đơn trình bày mức lãi cho vay là 10%/năm, nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả 10%/năm, kể từ ngày 01/5/2023 đến ngày xét xử, có thời hạn trả nợ. Như vậy, xác định là hợp đồng vay có thời hạn trả. Ông T yêu cầu trả mức lãi chậm trả 10%/năm, xét thấy mức lãi là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận, thời gian tính lãi từ ngày 01/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 1 năm 1 tháng 23 ngày là 34.409.000 đồng.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên vợ chồng anh Đặng Văn Q và chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới chịu 16.720.450 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T được hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227;Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật dân sự; Điều 27; Điều 37 - Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 - Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T

Buộc vợ chồng anh Đặng Văn Q và chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị Hương L số tiền gốc là 300.000.000 đồng, và lãi 34.409.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 334.409.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự: vợ chồng anh Đặng Văn Q và chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới chịu 16.720.450 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả ông Nguyễn Xuân T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000 đồng theo biên lai số 0003822 ngày 18/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Sự